

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 24-9-2021

Về việc “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hùng Vương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Châu;
2. Ông Đoàn Văn Nhanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Long An.

Ngày 24 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 289/2020/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị O - Sinh năm 1972 - Địa chỉ: Ấp 3, xã BHN, huyện H, tỉnh Long An (Vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Lê Văn N - Sinh năm 1966 - Địa chỉ: Ấp 3, xã BHN, huyện H, tỉnh Long An (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 25 tháng 9 năm 2020, các văn bản tiếp theo, nguyên đơn bà Nguyễn Thị O trình bày và yêu cầu:

Bà và ông Lê Văn N cưới và chung sống với nhau từ năm 1990, đăng ký kết hôn ngày 25-9-2018 tại Ủy ban nhân dân xã BHN; Chung sống đến năm 1991 phát sinh mâu thuẫn do ông N thường xuyên rượu chè, cờ bạc và chửi mắng vợ con, bà đã nhiều lần khuyên răn nhưng ông N không sửa đổi, vẫn thường uống rượu rồi chửi mắng, mâu thuẫn ngày càng tăng, vợ chồng còn sống chung nhà nhưng không hạnh phúc.

Về hôn nhân: Bà yêu cầu ly hôn với ông Lê Văn N;

Về con chung: Bà và ông N có 04 con chung tên: Lê Trung T, sinh ngày 07-7-1991, Lê Trung T1, sinh ngày 09-10-1993, Lê Trung T2, sinh ngày 19-6-1995 và Lê Thị Thu S, sinh ngày 29-7-1997. Các con chung đã thành niên, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Vụ án không tiến hành hòa giải đoàn tụ được do bị đơn là ông Lê Văn N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt.

- Ngày 21-01-2021, bà Nguyễn Thị O có đơn xin xét xử vắng mặt;

- Bị đơn là ông Lê Văn N vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Nguyễn Thị O khởi kiện “Tranh chấp ly hôn” đối với ông Lê Văn N; Tòa án nhân dân huyện H tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Bà O có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

[3] Bị đơn là ông N được tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng của Tòa án, nhưng không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của ông, không tham gia hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Hội đồng xét xử vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[4] Tại phiên tòa, nguyên đơn không có đơn rút yêu cầu khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được với nhau việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

[5] Xét về hôn nhân:

[5.1] Bà O và ông N chung sống có đăng ký kết hôn ngày 25-9-2018 tại Ủy ban nhân dân xã BHN, huyện H, tỉnh Long An. Quan hệ hôn nhân giữa bà O và ông N là hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình.

[5.2] Xét yêu cầu ly hôn của bà O: Bà O và ông N xảy ra mâu thuẫn do ông N thường xuyên rượu chè, cờ bạc và chửi mắng vợ con, bà O đã nhiều lần khuyên răn nhưng ông N không sửa đổi, vẫn thường uống rượu rồi chửi mắng bà O, mâu thuẫn ngày càng tăng, vợ chồng còn sống chung nhà nhưng không hạnh phúc (theo trình bày của bà O); Xét từ khi xảy ra mâu thuẫn, đến khi được Tòa án thụ lý vụ án và đến nay, ông N không có biện pháp hữu hiệu để khắc phục mâu thuẫn gia đình, bà O và

ông N vẫn còn mâu thuẫn, mỗi người tự lo cho bản thân, không quan tâm chăm sóc nhau nên bà O xin ly hôn. Mâu thuẫn giữa bà O và ông N đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc bà O yêu cầu ly hôn là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên chấp nhận. Ông N không có ý kiến nên không có căn cứ xem xét.

[6] Về nuôi con chung: Bà O và ông N có 04 con chung là Lê Trung T, sinh ngày 07-7-1991, Lê Trung T1, sinh ngày 09-10-1993, Lê Trung T2, sinh ngày 19-6-1995 và Lê Thị Thu Hương, sinh ngày 29-7-1997, đều đã thành niên nên bà O không yêu cầu giải quyết là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

[7] Về chia tài sản chung và nợ chung: Bà O trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông N không có ý kiến nên không có căn cứ xem xét. Nếu xảy ra tranh chấp, các đương sự được quyền khởi kiện vụ án khác theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự là phù hợp quy định tại Điều 59 và 60 Luật Hôn nhân gia đình.

[8] Về án phí, căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xét thấy: Bà O là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp, bà O đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm; Ông N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227, các Điều 147, 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Các Điều 56, 59, 60, 81, 82, 83, 84, 107 và 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị O được ly hôn với ông Lê Văn N.

2. Về nuôi con chung: 04 con chung tên Lê Trung T, sinh ngày 07-7-1991, Lê Trung T1, sinh ngày 09-10-1993, Lê Trung T2, sinh ngày 19-6-1995 và Lê Thị Thu S, sinh ngày 29-7-1997, đã thành niên, không yêu cầu giải quyết.

3. Về chia tài sản chung và chia nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị O phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp (Biên lai thu số 0008890 ngày 30-11-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H), bà O đã nộp đủ án phí.

5. Các đương sự vắng mặt, được quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- UBND xã BHN (để ghi sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hùng Vương